

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2020.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyên - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh - sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn VĐ, xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph - sinh 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn VĐ, xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Chị Nh và anh Ph đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị Nh trình bày: Chị và anh Ph kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD vào ngày 03/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ

hòa thuận, năm 2007 anh Ph đi lao động tại Đài Loan, cuối năm 2008 thì về thăm gia đình một thời gian sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan làm ăn từ năm 2009. Từ đó cho đến nay anh Ph chưa về Việt Nam thăm gia đình và vợ con lần nào, chị và anh Ph thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại, chị nhiều lần trao đổi để anh Ph về chung sống với vợ con và gia đình nhưng anh Ph không về. Năm 2019, chị và 02 con chuyển về nhà ngoại sinh sống và không còn liên lạc với anh Ph do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị KH, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Văn GB, sinh ngày 17/9/2009, hiện 02 con đang ở cùng chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ của anh Ph tại Đài Loan do anh Ph sống bất hợp pháp và vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ năm 2019 đến nay.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L (là bố mẹ đẻ anh Ph) trình bày: Anh Ph và chị Nh tự nguyện kết hôn và được tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2004. Sau khi kết hôn anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Anh Ph đi lao động tại Đài Loan từ năm 2007, cuối năm 2018 anh Ph về thăm vợ con và gia đình một thời gian, đầu năm 2009 anh Ph tiếp tục đi Đài Loan làm ăn cho đến nay chưa về nước nhưng vẫn gửi tiền về cho chị Nh ở nhà nuôi con; còn chị Nh vẫn sống cùng với gia đình ông bà cho đến cuối năm 2019 thì dọn đồ đạc, tài sản và cho 02 con về bên ngoại sinh sống, không cho con về thăm gia đình nội, cũng như không cho anh Ph liên lạc với các con. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông báo qua điện thoại cho anh Ph biết về việc chị Nh làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh Ph không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được vì ảnh hưởng dịch Covid và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, anh Ph có đề nghị chờ anh Ph về thì mới làm thủ tục ly hôn, nuôi con vì muốn giải quyết luôn cả phần tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 8435/QLXNC-P5 ngày 08/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định anh Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 20/5/1980,

CMND số 142031518, khai địa chỉ thường trú tại: HĐ, CL, HD; đã sử dụng hộ chiếu B2897595 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 30/3/2009 (hiện nay đã hết giá trị sử dụng), đề xuất cảnh ngày 26/4/2009 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật, tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

Anh Nguyễn Văn Ph là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh Ph vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị Nh cũng như bố mẹ đẻ anh Ph cung cấp địa chỉ của anh Ph nhưng không cung cấp được nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Ph vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình anh Ph là ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L (bố mẹ đẻ anh Ph) và đã yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ của anh Ph tại nước ngoài, tuy nhiên ông bà không cung cấp được. Do vậy Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Ph thông qua gia đình để thông báo nội dung văn bản cho anh Ph là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Ph tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, thành phố CL, tỉnh HD vào ngày 03/5/2004. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận và có 02 con chung với nhau. Anh Ph đi lao động tại Đài Loan từ năm 2007, sau đó anh Ph về một thời gian lại tiếp tục sang Đài Loan làm ăn từ đầu năm 2009 cho đến nay chưa về Việt Nam, chị Nh ở nhà sinh sống cùng gia đình chồng và nuôi con. Mặc dù anh chị sống xa cách nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại, anh Ph vẫn gửi tiền về cho chị Nh nuôi con, nhiều lần chị Nh mong anh Ph về để vợ chồng cùng nuôi con nhưng anh Ph không về, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2019, chị Nh cho 02 con về gia đình bên ngoại sinh sống, không còn liên lạc với anh Ph và gia đình chồng. Nay chị Nh xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph. Anh Ph đã biết việc chị Nh làm đơn xin ly hôn và anh đề nghị chờ anh về nước thì mới làm thủ tục ly hôn nhưng anh không gửi văn bản về cho Tòa án. Thực tế anh chị sống mỗi người một nơi, xa cách nhiều năm nay nên tình cảm khó có thể hàn gắn, mâu thuẫn của anh chị không thể khắc phục được, cần chấp nhận xử cho chị Nh được ly hôn anh Ph là phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh Ph có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh H, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Văn GB, sinh ngày 17/9/2009. Nguyễn vọng của chị Nh xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi các con; anh Ph và gia đình có quan điểm đề nghị cần giao mỗi người nuôi một con. Xét thấy cháu H và cháu GB hiện đang do chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo về mọi mặt cả về vật chất và tinh thần, hiện tại anh Ph vẫn đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc con chung được, hơn nữa cả 02 cháu H và cháu GB đều bày tỏ nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ vì được mẹ chăm sóc từ nhỏ. Để đảm bảo quyền lợi và không bị xáo trộn cuộc sống của các cháu H và GB, cần giao cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Ph đóng góp tiền nuôi 02 con chung; anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Nh là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu anh Ph có nguyện vọng xin thay đổi việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu

cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Anh Ph không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản, nếu sau này anh Ph có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Kh H, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Văn GB, sinh ngày 17/9/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0002673 ngày 21/5/2020. Chị Nh đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Ph đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã HĐ, tp CL, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang